

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TOÁN TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lê Đức Thuận

Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Ba Đình, Hà Nội
Email: thuanld.ams@gmail.com

Article History

Received: 21/5/2020

Accepted: 09/6/2020

Published: 20/7/2020

Keywords

math teachers, secondary school, professional development, professional competence.

ABSTRACT

Professional competence of teachers in general and secondary math teachers in particular plays an important role in the process of reforming general education; therefore, there is a need to make an assessment of the status of this capacity of teachers. The paper researches the real situation of professional competency of secondary school Math teachers in Hanoi. The research result will be the basis for proposing some solutions to develop the capacity of Hanoi secondary school math teachers in the future.

1. Mở đầu

Bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện GD-ĐT, giáo dục phổ thông đang thực hiện “chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học” (Ban Chấp hành Trung ương, 2013) đã đặt ra những yêu cầu đổi mới về vai trò của đội ngũ nhà giáo trên nền tảng thay đổi bản chất của lao động sư phạm. Trong đó, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên (GV) nói chung và GV Toán trung học cơ sở (THCS) nói riêng đóng vai trò quan trọng trong quá trình đổi mới giáo dục phổ thông. GV Toán THCS không chỉ cần đáp ứng các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp của GV THCS, được quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2018) mà còn phải đáp ứng những yêu cầu đặc thù của năng lực nghề nghiệp về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của GV Toán THCS.

Để phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội trong thời gian tới nhằm đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần đánh giá thực trạng năng lực nghề nghiệp của đội ngũ này để có cơ sở đề xuất những giải pháp thiết thực.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Năng lực nghề nghiệp và các thành tố năng lực nghề nghiệp của giáo viên Toán trung học cơ sở

2.1.1. Năng lực nghề nghiệp của giáo viên Toán tại trường trung học cơ sở

Theo Quy định Chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông thì năng lực được hiểu là “khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ của GV” (Bộ GD-ĐT, 2018b). World Bank (2014) đưa ra định nghĩa về năng lực nghề nghiệp GV như sau: “Một năng lực hoặc kỹ năng dạy học là khả năng huy động nhiều nguồn lực nhận thức để xử lý một loại tình huống dạy học đặc biệt. Thay vì liên quan đến việc dạy một nội dung hoặc kiến thức đặc biệt, các kỹ năng và năng lực dạy học gắn kết và tích hợp các nguồn lực nhận thức phù hợp với tình huống xảy ra”. Đào Thị Oanh (2016) cho rằng, “quan điểm về năng lực nghề nghiệp GV với các thành phần và cấu trúc đa dạng cho thấy năng lực nghề nghiệp GV không đồng nhất với năng lực sư phạm”. Theo Nguyễn Thị Tình (2016), năng lực nghề nghiệp GV là sự thực hiện có hiệu quả và có trách nhiệm các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề thuộc lĩnh vực nghề nghiệp (dạy học và giáo dục) trong những tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động.

Từ những nghiên cứu trên, năng lực nghề nghiệp của GV Toán THCS được hiểu như sau: *Năng lực nghề nghiệp của GV Toán THCS là tổ hợp của các thành tố: kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp của mỗi người GV để có thể hoàn thành được những nhiệm vụ và công việc giảng dạy môn Toán và các hoạt động giáo dục cho học sinh (HS) THCS đạt chuẩn quy định.*

2.1.2. Các thành tố năng lực của giáo viên Toán tại trường trung học cơ sở

Theo Nguyễn Văn Cường và cộng sự (2009), các yêu cầu về năng lực nghề nghiệp của GV gồm 4 nhóm lĩnh vực:
- *Năng lực chuyên môn*: những kiến thức, tri thức trong lĩnh vực chuyên môn mà GV đang giảng dạy và những kiến thức, tri thức có liên quan; khả năng/kỹ năng ứng dụng kiến thức, tri thức chuyên môn vào thực tế cuộc sống. Năng lực chuyên môn mang đặc thù bộ môn: lĩnh hội các tri thức (các sự kiện quy luật, định luật, khái niệm); tri thức của người GV về các mối quan hệ, khả năng hiểu về các loại tài liệu, giải thích cũng như có khả năng nhận xét, đánh giá tài liệu.

- *Năng lực phương pháp*: là khả năng sử dụng thành thạo các kỹ năng, thao tác, công cụ để hoàn thành hoạt động chuyên môn. Đó là khả năng của GV có những cách thức phù hợp để thực hiện hiệu quả những hoạt động nghề nghiệp như: cách thức thu thập, xử lý thông tin, trình bày tri thức; phương pháp lập kế hoạch, học tập, làm việc.

- *Năng lực xã hội*: là khả năng GV có thể giao tiếp, giao lưu và thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội. Năng lực xã hội biểu hiện ở khả năng GV có thể làm việc trong nhóm, tiếp thu và thích ứng với những vấn đề thuộc phương diện xã hội; khả năng ứng xử, tinh thần trách nhiệm và khả năng giải quyết xung đột khi giao tiếp, quan hệ xã hội.

- *Năng lực cá thể*: Là khả năng tự đánh giá bản thân trong các mối quan hệ với tư cách là chủ thể hoạt động và giao lưu; được biểu hiện cụ thể ở những khả năng của GV có thể tự đánh giá điểm mạnh, điểm yếu; tự đánh giá kế hoạch phát triển bản thân; thái độ tự trọng, trân trọng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức, các giá trị văn hóa.

Các thành tố năng lực của GV có mối quan hệ mật thiết, chứa đựng lẫn nhau, hòa trộn vào nhau để tạo thành năng lực nghề nghiệp tổng thể của GV. Như vậy, hoạt động của GV là hoạt động có tính chuyên môn hóa cao và vừa phải đạt đến nghệ thuật sư phạm đặc biệt thì mới tổ chức thực hiện thành công hoạt động giáo dục (Nguyễn Đức Danh và Lê Thanh Hải, 2018).

Trên cơ sở những tiếp cận của các nghiên cứu về năng lực, năng lực nghề nghiệp của GV và các quy định tiêu chuẩn trong chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông, ban hành kèm theo Thông tư 20/2018/TT- BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2018), theo chúng tôi, năng lực nghề nghiệp của GV toán THCS gồm 5 lĩnh vực năng lực:

- Nhóm năng lực giảng dạy, giáo dục: là khả năng GV có thể sử dụng những kỹ năng, phương pháp, kỹ thuật để giảng dạy và giáo dục.

- Nhóm năng lực chuyên môn ngành Toán: gồm những kiến thức, tri thức chuyên môn toán học và kiến thức, tri thức liên quan; khả năng tìm hiểu, phát triển tri thức chuyên môn toán.

- Nhóm năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học sư phạm vào thực tiễn: là khả năng phát hiện, giải quyết, trình bày những vấn đề nghiên cứu khoa học sư phạm về toán.

- Nhóm năng lực giao tiếp và năng lực xã hội: là khả năng GV có thể giao tiếp, giao lưu và thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội; là khả năng hợp tác với đồng nghiệp, thành viên ngoài cộng đồng để thực hiện, phát triển nghề nghiệp và phát triển nhà trường, góp phần xây dựng xã hội học tập.

- Nhóm năng lực phát triển cá nhân: là khả năng tự đánh giá, tự hoàn thiện, phát triển bản thân và nghề nghiệp.

2.2. Thực trạng năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên toán trung học cơ sở thành phố Hà Nội

2.2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

- Đối tượng khảo sát: 560 cán bộ quản lý và GV, cụ thể: 64 cán bộ quản lý Sở GD-ĐT, Phòng GD-ĐT, 148 cán bộ quản lý trường và 348 GV Toán tại 58 trường THCS trên địa bàn TP. Hà Nội. Các mẫu khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên, gồm đại diện cán bộ các Phòng GD-ĐT và mỗi quận, huyện chọn 02 trường THCS.

- Phương pháp khảo sát: Thu thập số liệu thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi; xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê. Trong đó, sử dụng thang đo Likert với 5 lựa chọn với khoảng giá trị điểm trung bình (ĐTB) và mức độ đánh giá tương ứng là 1,00-1,80: Kém; 1,81-2,60: Yếu; 2,61-3,40: Trung bình; 3,41-4,20: Khá; 4,21-5,00: Tốt.

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

- *Thực trạng năng lực giảng dạy của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội:*

Bảng 1. Thực trạng về năng lực giảng dạy của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường dạy học	21,6	54,3	22,7	1,4	0	3,96
2	Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học	23,9	63,2	12,5	0,4	0	4,11
3	Năng lực đảm bảo kiến thức môn Toán	31,8	63,2	5,0	0	0	4,27
4	Năng lực soạn giáo án (thiết kế bài học) phát triển năng lực cho HS	3,4	21,4	68,9	5,4	0,9	3,21
5	Năng lực tổ chức các hoạt động học tập phát triển năng lực cho HS	3,9	28,0	59,8	7,9	0,4	3,27
6	Năng lực sử dụng các phương pháp dạy học phát triển năng lực cho HS	9,1	29,5	53,2	6,8	1,4	3,38
7	Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phát triển năng lực cho HS	13,4	19,3	56,8	9,1	1,4	3,34

8	Năng lực sử dụng thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học phát triển năng lực cho HS	10,4	35,4	52,8	0,9	0,5	3,54
9	Năng lực xây dựng chương trình trải nghiệm sáng tạo liên quan đến môn Toán	2,5	27,1	61,8	6,8	1,8	3,22

Bảng 1 cho thấy, các năng lực thành phần trong năng lực giảng dạy của GV Toán THCS TP. Hà Nội đều được đánh giá từ mức trung bình trở lên. Tuy nhiên, có đến 4/9 năng lực giảng dạy khảo sát được đánh giá ở mức điểm trung bình, chiếm gần 44,4% các tiêu chí cho thấy, năng lực giảng dạy của GV Toán THCS nói chung hiện nay được đánh giá chưa cao. Bên cạnh đó, năng lực thành phần được đánh giá cao nhất là “năng lực đảm bảo kiến thức môn Toán” và thấp nhất là “năng lực soạn giáo án (thiết kế bài học) phát triển năng lực cho HS”. Điều này phù hợp với thực tiễn hiện nay khi ngành Giáo dục triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020 -2021 theo định hướng phát triển năng lực HS.

- *Thực trạng năng lực giáo dục của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội:*

Bảng 2. Thực trạng năng lực giáo dục của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục	12,0	33,4	51,6	2,1	0,9	3,53
2	Năng lực xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục	13,9	35,4	49,3	1,1	0,3	3,61
3	Năng lực giáo dục thông qua dạy học	12,0	39,3	47,8	0,9	0	3,62
4	Năng lực phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nhà trường	8,2	33,4	53,9	3,6	0,9	3,44
5	Năng lực giáo dục HS có hoàn cảnh đặc biệt	12,3	36,1	50,0	1,6	0	3,59

Bảng 2 cho thấy, năng lực giáo dục của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội đều được đánh giá ở mức khá. Mặc dù vậy, không có tiêu chí nào đạt trên 4,0. Trong đó, “năng lực phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nhà trường” đánh giá ở mức thấp nhất bởi việc tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho HS mới được chú ý thời gian gần đây, GV chưa có nhiều cơ hội để được bồi dưỡng về vấn đề này.

- *Thực trạng năng lực chuyên môn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội:*

Bảng 3. Thực trạng năng lực chuyên môn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Kiến thức chuyên môn toán	26,4	58,2	15,4	0	0	4,11
2	Kiến thức hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy toán	21,6	61,6	16,8	0	0	4,05
3	Năng lực hợp tác phát triển chuyên môn Toán	6,1	47,9	43,9	2,1	0	3,58
4	Năng lực phát triển ngành Toán	2,1	29,8	58,2	6,1	3,8	3,21

Bảng 3 cho thấy, năng lực chuyên môn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội đều đạt mức trung bình trở lên. Trong đó, “kiến thức chuyên môn toán” được đánh giá cao nhất với ĐTB là 4,11; điều này phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo của GV Toán. “Năng lực phát triển ngành Toán” đạt điểm thấp nhất vì thực tế hiện nay, để phát triển ngành Toán, đặc biệt đối với GV THCS là một thực tế khó khăn về cả năng lực, trình độ và các điều kiện hỗ trợ.

- *Thực trạng năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học sư phạm vào thực tiễn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội (bảng 4):*

Bảng 4. Thực trạng năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học sư phạm vào thực tiễn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tế dạy học, giáo dục	15,3	39,5	44,5	0,7	0	3,69
2	Năng lực sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học	12,7	32,5	53,9	0,9	0	3,57

3	Năng lực viết sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề chuyên môn	16,3	41,2	42,0	0,5	0	3,73
4	Năng lực hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu, ứng dụng toán học	10,4	33,2	53,0	2,5	0,9	3,50
5	Năng lực tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt khoa học liên quan đến môn Toán	12,8	28,6	56,1	1,4	1,1	3,51

Bảng 4 cho thấy, năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học sư phạm vào thực tiễn của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội đều được đánh giá ở mức khá. Trong đó, “năng lực viết sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề chuyên môn” được đánh giá cao nhất; “năng lực hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu, ứng dụng toán học” đánh giá thấp nhất. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn bởi hoạt động viết sáng kiến kinh nghiệm, chuyên đề chuyên môn được đội ngũ GV Toán THCS tiến hành thường xuyên hàng năm, còn hoạt động hướng dẫn HS thực hiện nghiên cứu, ứng dụng toán học là hoạt động khó và ít triển khai, đặc biệt là môn Toán ở cấp THCS.

- *Thực trạng năng lực giao tiếp và năng lực xã hội của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội:*

Bảng 5. Thực trạng năng lực giao tiếp và năng lực xã hội của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Năng lực giao tiếp với HS, đồng nghiệp, phụ huynh HS	34,3	50,3	15,4	0	0	4,19
2	Năng lực làm việc hợp tác để xây dựng bài học với các GV khác	16,1	51,8	30,3	1,8	0	3,82
3	Năng lực tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội học tập	15,5	34,5	48,2	1,4	0,4	3,63

Bảng 5 cho thấy, năng lực giao tiếp và năng lực xã hội của đội ngũ GV Toán THCS đều ở mức khá. Trong đó, được đánh giá cao nhất là “năng lực giao tiếp với HS, đồng nghiệp, phụ huynh HS” vì thực tiễn công việc hằng ngày, thời gian GV Toán cần trao đổi, giao tiếp với HS, phụ huynh và đồng nghiệp khá lớn so với nhiều môn học khác.

- *Thực trạng năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội:*

Bảng 6. Thực trạng năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực thành phần	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu	10,7	25,9	52,7	10,0	0,7	3,36
2	Sử dụng được công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy	29,8	49,7	20,5	0	0	4,09

Bảng 6 cho thấy, năng lực “sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu” của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội không được đánh giá cao, chỉ ở mức trung bình. Trong khi đó, năng lực “sử dụng được công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy” lại được đánh giá ở mức khá, đạt điểm trung bình 4,09 gần tiệm cận với mức tốt. Hiện nay, nhiều GV Toán THCS thường được đào tạo ngành Toán - Tin hoặc Toán - Lí; do đó, GV Toán am hiểu và sử dụng công nghệ thông tin thành thạo hơn so với sử dụng ngoại ngữ.

- *Thực trạng năng lực phát triển cá nhân của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội (bảng 7):*

Bảng 7. Thực trạng năng lực phát triển cá nhân của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội

TT	Năng lực	Mức độ đạt được (Tỉ lệ %)					ĐTB
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
1	Năng lực tự học, tự bồi dưỡng	18,2	48,8	33,0	0	0	3,85
2	Năng lực tự đánh giá năng lực bản thân	12,1	37,9	49,6	0,4	0	3,62
3	Năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp	18,9	43,9	36,3	0,9	0	3,81
4	Năng lực hợp tác, làm việc nhóm	16,8	47,9	35,3	0	0	3,81

Bảng 7 cho thấy, năng lực phát triển bản thân của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội đều được đánh giá ở mức khá. Trong đó, được đánh giá cao nhất là “năng lực tự học, tự bồi dưỡng”. Điều này phù hợp với thực tiễn hiện nay, cùng với sự quan tâm của các cấp, các ngành trong công tác bồi dưỡng chuyên môn cho GV, GV Toán THCS cũng đã và đang không ngừng tự học, tự bồi dưỡng năng lực, chuyên môn cho bản thân.

2.2.3. Đánh giá chung về thực trạng

- *Ưu điểm:* Đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội cơ bản đáp ứng các yêu cầu về năng lực nghề nghiệp. Nhìn chung, các nhóm năng lực nghề nghiệp đều được đánh giá từ mức trung bình trở lên; trong đó, các năng lực thuộc các nhóm: năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học sư phạm vào thực tiễn; năng lực giao tiếp và năng lực xã hội; năng lực phát triển bản thân đều được đánh giá ở mức khá.

- *Hạn chế:* Đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội còn một số bất cập về năng lực nghề nghiệp như: nhóm năng lực giảng dạy và năng lực giáo dục chưa cao, nhiều năng lực thuộc nhóm năng lực giảng dạy, năng lực giáo dục chỉ được đánh giá ở mức trung bình và mức cận dưới của khá. Ngoài ra, rào cản về ngoại ngữ trong giao tiếp, học tập và nghiên cứu đã phần nào làm hạn chế việc phát triển năng lực nghề nghiệp của đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội.

3. Kết luận

Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát đối với đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội, có thể thấy được bức tranh tổng thể về năng lực nghề nghiệp đội ngũ GV này với những ưu điểm và hạn chế về năng lực. Đây là những cơ sở quan trọng để xây dựng những giải pháp nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội trong thời gian tới, đó là: cần ban hành các văn bản cụ thể hóa khung năng lực nghề nghiệp của GV Toán THCS; lập kế hoạch, quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, thanh tra, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng; xây dựng và ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội. Có như vậy, đội ngũ GV Toán THCS TP. Hà Nội mới có thể đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và đáp ứng nhu cầu phát triển GD-ĐT TP. Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ban hành ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- Bộ GD-ĐT (2011). *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ban hành ngày 28/3/2011 về điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/8/2018 quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.*
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).*
- Đào Thị Oanh (2016). *Năng lực nghề nghiệp giảng viên đại học sư phạm - Luận và thực tiễn.* NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Đức Danh, Lê Thanh Hải (2018). *Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.* Tạp chí Giáo dục, số 444, tr 5-8.
- Nguyễn Thị Tinh (2016). *Một số vấn đề lý luận về phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên.* Tạp chí Giáo dục, số 385, tr 28-30.
- Nguyễn Văn Cường (2009). *Đào tạo giáo viên ở Cộng hòa Liên bang Đức và những khuyến nghị cho việc cải cách đào tạo giáo viên ở Việt Nam.* Kí yếu hội thảo “Mô hình đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, Bộ GD-ĐT, Dự án Phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp.
- Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà (2017). *Nghiên cứu đánh giá năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên phổ thông vùng Tây Bắc.* Tạp chí Giáo dục, số 417, tr 14-18.
- World Bank (2014). *Phát triển kỹ năng xây dựng lực lượng lao động cho một nền kinh tế thị trường hiện đại ở Việt Nam.* Báo cáo tổng quan.